

Số: 900 /BC-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

Công tác tuyển sinh, thi tốt nghiệp và giải quyết việc làm 6 tháng đầu năm 2018

(Theo Công văn số 20734/SLĐTĐBXH-GDNN ngày 07 tháng 8 năm 2018

của Sở Lao động thương binh – Xã hội)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh: LY TU TRONG COLLEGE OF HO CHI MINH CITY.

Tên viết tắt: Không có.

Ngày thành lập: 03/02/2005.

Tổng số đơn vị trực thuộc: 24

Trong đó tổng số khoa đào tạo: 09

Địa chỉ trụ sở chính: 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0838440567

Fax: 0838118676

Email: lytutrong@lttc.edu.vn

Website: www.lttc.edu.vn

Hiệu trưởng: PHẠM HỮU LỘC

Điện thoại: (028)38441198

Email: phamhuuloc@lttc.edu.vn

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

1. Kết quả tuyển sinh 6 tháng đầu năm 2018

- Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 của trường như sau:

+ Cao đẳng: 4350

+ Trung cấp: 1500

+ Dạy nghề dưới 3 tháng: 1990 HV

Tổng cộng chỉ tiêu: 7840

- Kết quả tuyển sinh trong 6 tháng đầu năm 2018:

Cao đẳng: Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, điểm trung bình cả năm lớp 12: Đào tạo theo tín chỉ (có thể tốt nghiệp trong 2,5 năm).

Trung cấp:

+ Xét tuyển học sinh chưa tốt nghiệp THPT: Đào tạo theo tín chỉ (tốt nghiệp trong 1,5 năm và 3 tháng học văn hóa);

+ Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THCS; điểm trung bình cả năm lớp 9 (Được miễn học phí trong thời gian đào tạo): Đào tạo tín chỉ 03 năm, có học các môn văn hóa;

- Quy trình tuyển sinh thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

- Tính đến thời điểm báo cáo (30/6/2018), trường đã tuyển sinh được tổng cộng: 1691 HSSV. Trong đó:

+ Cao đẳng: 94/ 4350 (0,02%)

+ Trung cấp: 647/1500 (43,13%)

+ Dạy nghề dưới 3 tháng: 950/1990 HV (47,74%)

Số liệu tuyển sinh theo từng ngành, nghề được cụ thể theo phụ lục 1 đính kèm.

2. Kết quả học sinh sinh viên tốt nghiệp và giải quyết việc làm 6 tháng đầu năm 2018

2.1. Kết quả học sinh sinh viên tốt nghiệp

+ Cao đẳng: 57 (Khóa cũ thi lại Tốt nghiệp)

+ Trung cấp: 30 (Khóa cũ thi lại Tốt nghiệp)

+ Dạy nghề dưới 3 tháng: 454 HV.

Tổng cộng: 541

2.2. Kết quả giải quyết việc làm

- Số lượng học sinh, sinh viên (HSSV) tốt nghiệp có việc làm ngay sau tốt nghiệp với mức lương trung bình 6.5 – 7 triệu đồng đối với học sinh trung cấp và mức lương trung bình 7.5 – 8 triệu đồng đối với sinh viên cao đẳng; được cụ thể theo phụ lục 2 đính kèm.

- Cam kết của nhà trường về việc giải quyết việc làm cho HSSV sau tốt nghiệp: Trường có Trung tâm quan hệ Doanh nghiệp có mối liên hệ mật thiết với các doanh nghiệp để có nguồn việc làm cung cấp cho HSSV. Nhà trường hỗ trợ cho 100 % HSSV tìm kiếm việc làm phù hợp. Ngoài ra, sinh viên có thể học tiếp lên các bậc học cao hơn tại trường hoặc các trường trong và ngoài nước

3. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm trong 6 tháng đầu năm 2018

3.1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Ban Giám hiệu;

- Nhà trường đã đầu tư cho công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh có bài bản, khoa học, hiệu quả;

- Nhà trường thành lập Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp làm cầu nối giữa HSSV với doanh nghiệp; thông qua việc thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp, nhà trường kịp thời nắm bắt được các nhu cầu về nguồn lao động hiện nay trên địa bàn TP.HCM cũng như các tỉnh lân cận để điều chỉnh chương trình đào tạo sát với sự triển của xã hội và thị trường lao động. Đội ngũ cán bộ, nhân viên của trung tâm luôn nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc thực hiện khảo sát lần vết về việc làm HSSV sau khi ra trường. Trung tâm thường xuyên trao đổi với các khoa trong nhà

trường về tiến độ học tập nắm thông tin cụ thể của SV để giới thiệu đi thực tập và xin việc làm sau khi tốt nghiệp. Trung tâm thường xuyên trao đổi nắm bắt thông tin từ các doanh nghiệp liên kết với nhà trường, các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động với HSSV của nhà trường từ đó nhận thông tin phản hồi của doanh nghiệp về trình độ đào tạo của HSSV để đáp ứng được nhu cầu việc làm của doanh nghiệp hiện tại cũng như lâu dài trong thời đại công nghệ 4.0.

3.2. Khó khăn:

- Thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội, địa phương hiện nay còn hạn chế, dẫn đến việc định hướng phát triển ngành nghề của trường còn gặp khó khăn;
- Hoạt động hướng nghiệp của các trường THPT vẫn còn tập trung vào các trường đại học, hạn chế trong việc định hướng học nghề, lựa chọn học nghề là một lựa chọn cuối cùng khi không thể vào đâu học được;
- Không giới hạn nguyện vọng đăng ký đại học tạo cho thí sinh có quá nhiều cơ hội lựa chọn, lại thêm thời gian các đợt xét tuyển quá dài, nên đa phần các em nộp hồ sơ vào các trường đại học;
- Việc bỏ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (từ điểm tốt nghiệp THPT) là một trong những nguyên nhân khiến các trường giáo dục nghề nghiệp càng khó khăn tuyển sinh;
- Các trường đại học có sự thay đổi tuyển sinh theo hướng mở rộng, xét tuyển theo kết quả học bạ THPT, lấy tối đa số thí sinh dự tuyển nên sẽ tác động rất lớn đến công tác tuyển sinh cũng như chất lượng đầu vào của các trường giáo dục nghề nghiệp;
- Chất lượng đầu vào chưa cao, không đồng đều. Một số học sinh sinh viên chưa xác định động cơ, thái độ học tập đúng đắn nên khó khăn trong công tác đào tạo, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, tỷ lệ HSSV tốt nghiệp của trường;
- Cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm sau tốt nghiệp vẫn chưa đầy đủ mặc dù Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên đã triển khai nhiều biện pháp như thành lập website giới thiệu việc làm làm cầu nối giữa doanh nghiệp với HSSV tốt nghiệp; khảo sát các doanh nghiệp đã tuyển dụng HSSV của trường; gọi điện thoại liên lạc trực tiếp với HSSV sau 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng... Khó có thể khảo sát được 100% HSSV;
- Việc thu thập ý kiến đánh giá về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc của đơn vị sử dụng lao động chưa thực hiện được đối với tất cả các doanh nghiệp có sử dụng lao động; chỉ triển khai ở phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận; Việc liên hệ với các doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh lân cận còn gặp nhiều khó khăn.

4. Những giải pháp để thực hiện công tác tuyển sinh 6 tháng cuối năm 2018

- Tham gia các ngày hội hướng nghiệp do các trường THPT tổ chức;
- Tham gia diễn đàn tư vấn tuyển sinh do các đơn vị trên địa bàn thành phố tổ chức tại TP.HCM và các tỉnh;
- Chủ động liên hệ đến các trường THCS, THPT trên địa bàn thành phố (nội, ngoại thành) và các tỉnh để cung cấp thông tin tuyển sinh, giới thiệu các ngành đào tạo;
- Tổ chức cho học sinh phổ thông tham quan các ngành, nghề, xưởng thực hành của trường;

- Tổ chức nhóm tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh;
- Thực hiện quảng cáo thông tin tuyển sinh của trường trên Đài truyền hình, truyền thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác...

5. Kiến nghị, đề xuất: Không, *hu*

Nơi nhận:

- Sở LĐT&XH;
- Lưu: VT, P. TS-ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Đinh Văn Đệ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Phụ lục 02

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo công văn số: 20734 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP.HCM)

Đơn vị tính: Người

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ sơ cấp và ĐTTX			Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)			Ghi chú
			Số SV nhập học đầu khoá	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khoá	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khoá	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN							
														CĐ	TC	SC	CĐ	TC	SC	
(A)	(B)	(1)=(4)+(8)+ (12)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
I	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM																			
1	CNKT Điện - Điện tử	18		18	18	0.0								94.4			8			Các khóa cũ xét lại TN
2	CNKT Nhiệt	8		8	8	0.0								100			7.5			
3	CNKT Cơ khí	15		15	15	0.0								93.3			8			
4	CNKT Ôtô	4		4	4	0.0								100			8			
5	CN Phần mềm	3		3	3	33.3								100			8			
6	Mạng máy tính	3		3	3	0.0								100			8			
7	CN May thời trang	6		6	6	0.0								100			7.5			
8	Điện Công nghiệp và dân dụng	7						7	7	0.0					100			7		
9	Điện lạnh	9						9	9	66.6					100			6.5		

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ sơ cấp và ĐTTX			Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)			Ghi chú
			Số SV nhập học đầu khoá	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khoá	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khoá	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN							
														CB	TC	SC	CB	TC	SC	
10	Cơ khí chế tạo Phay	5						5	5	0.0					100			7		Các khóa cũ thi lại TN
11	Bảo trì và sửa chữa ô tô	3						3	3	66.6					100			7		
12	Quản trị mạng máy tính	5						5	5	0.0					100			7		
13	Máy thời trang	1						1	1	0.0					100			7		
14	Công nghệ thông tin	373									761	373	373							
15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	47									135	47	47							
16	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	34									54	34	34							
	Tổng cộng	541	0	57	57		0	30	30		950	454	454							

Ghi chú: Kết quả tốt nghiệp của các khóa cũ 11,12,13,14CB; 15CDLT và 13,14,15TC; chưa có kết quả tốt nghiệp của các khóa theo quy chế tốt nghiệp trong năm 2018

(Chữ ký)

BÁO CÁO KẾT QUẢ TUYỂN SINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo công văn số: 20734 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP.HCM)

STT	Tên cơ sở GDNN và ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm 2018				Kết quả tuyển sinh 6 tháng đầu năm 2018 (tính đến hết ngày 30/6/2018)							
		Tổng số	CD	TC	SC và đào tạo thường xuyên	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo						
							CD			TC			SC và đào tạo thường xuyên
							Cộng CD	Tuyển mới	Liên thông	Cộng TC	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	
(A)	(B)	(1)=(2)+(3)+(4)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(9)+(12)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM												
1	Công nghệ kỹ thuật máy tính	150	150			1	1	1					
2	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	50		50		32				32	32		
3	Lập trình máy tính	200	150	50		42	3	3		39	39		
4	Tin học ứng dụng	1,700	150	50	1500	790				29	29		761
5	Quản trị mạng máy tính	200	150	50		31				31	31		
6	Thiết kế trang Web	200	150	50		20	2	2		18	18		
7	An ninh mạng	200	150	50		9				9	9		
8	Tiếng Anh	200	150	50		65	3	3		62	62		
9	Tài chính doanh nghiệp	200	150	50		6	1	1		5	5		
10	Kế toán doanh nghiệp	200	150	50		22	1	1		21	21		
11	Quản trị doanh nghiệp	200	150	50		39	3	3		36	36		
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	400	150	50	200	163	6	6		22	22		135
13	Công nghệ chế tạo dụng cụ	50		50		1				1	1		
14	Công nghệ chế tạo máy	150	150			2	2	2					
15	Cắt gọt kim loại	200	150	50		5	1	1		4	4		



STT	Tên cơ sở GDNN và ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm 2018				Kết quả tuyển sinh 6 tháng đầu năm 2018 (tính đến hết ngày 30/6/2018)							
		Tổng số	CĐ	TC	SC và đào tạo thường xuyên	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo						
							CĐ			TC			SC và đào tạo thường xuyên
							Cộng CĐ	Tuyển mới	Liên thông	Cộng TC	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	
(A)	(B)	(1)=(2)+(3)+(4)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(9)+(12)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM												
16	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	200	150	50		3	1	1		2	2		
17	Công nghệ ô tô	200	150	50		207	44	44		163	163		
18	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	200	150	50		3	1	1		2	2		
19	Lắp đặt thiết bị lạnh	200	150	50		9				9	9		
20	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	200	150	50		24	5	5		19	19		
21	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	200	150	50		35	2	2		33	33		
22	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	490	150	50	290	70				16	16		54
23	Kỹ thuật Mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	200	150	50									
24	Cơ điện tử	200	150	50		12	4	4		8	8		
25	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	150	150			5	2	2		3	3		
26	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	50		50									
27	Điện tử công nghiệp	200	150	50		5	1	1		4	4		
28	Điện công nghiệp	200	150	50		26	4	4		22	22		
29	Công nghệ may và thời trang	50		50		14				14	14		
30	May thời trang	200	150	50		5				5	5		

STT	Tên cơ sở GDNN và ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm 2018				Kết quả tuyển sinh 6 tháng đầu năm 2018 (tính đến hết ngày 30/6/2018)							
		Tổng số	CĐ	TC	SC và đào tạo thường xuyên	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo						SC và đào tạo thường xuyên
							CĐ			TC			
							Cộng CĐ	Tuyển mới	Liên thông	Cộng TC	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	
(A)	(B)	(1)=(2)+(3)+(4)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(9)+(12)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM												
31	Công nghệ may	150	150			4	4	4					
32	Cơ khí chế tạo	50		50		5				5	5		
33	Thiết kế đồ họa	200	150	50		32	2	2		30	30		
34	Thương mại điện tử	200	150	50		4	1	1		3	3		
	Tổng cộng	7,840	4,350	1,500	1,990	1691	94	94	0	647	647	0	956


